

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HS-ST.

Ngày: 07/12/2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY - TỈNH KONTUM
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Dũng.
- Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông, Nguyễn Đình Thi.
2. Ông, Đỗ Hiền Lương.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà, Trần Thị Phụng- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện SaThầy, tỉnh KonTum.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông, Mai Văn Chinh- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/HSST ngày 30/10/2017, đối với bị cáo:

Hoàng Trần C (tên gọi khác: H).

Sinh năm 1991, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKTT: Xóm Q, xã Gi, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: H, sinh năm 1950 và bà V, sinh năm: 1957, hiện ở xóm Q, xã Gi, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 04/08/2017 cho đến nay- Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

- Y L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Làng K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Tạ Thị Thu Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 4 thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

- Anh Đỗ Văn Tr, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 4 thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989 và chị Võ Thị Mỹ Gi, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

- Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 2, phường D, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Trần C (Sinh ngày: 18/11/1991, trú: Xóm Q, xã Gi, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) tên gọi khác: H, trước đó có vay tiền của một người tên S (*không xác định rõ nhân thân, lai lịch*) và còn nợ lại số tiền 8.000.000đồng, đến hạn ngày 02/08/2017 phải thanh toán hết nhưng C không có khả năng thanh toán nên C nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Khoảng 11h ngày 02/08/2017, Hoàng Trần C do trước đó có quen biết với chị Nguyễn Thị P sinh năm: 1987 trú tại: Thôn B, xã S, huyện S nên C đến nhà chị P mượn 01 xe mô tô BKS 82M1-023.61 loại xe wave màu đỏ bạc cùng với giấy tờ xe, C nói với chị P mượn xe để đi xuống thành phố K lấy tiền lương và hứa 15h cùng ngày sẽ trả nhưng thực chất C không đi lấy tiền lương (*tiền lương được trả vào ngày 05 hàng tháng*) mà đi xuống hướng thành phố Kon Tum nhằm tạo niềm tin cho chị P sau đó C điều khiển xe quay lại huyện S. C ngồi uống nước tại quán cà phê của bà B tại thôn N, xã S, huyện S, thì gặp anh Nguyễn Văn Q sinh năm: 1989 trú tại: thôn N, xã S, huyện S là người có quen biết từ trước, do cần tiền trả nợ nên C đã nói với anh Q là xe của chị gái mình và đem xe mô tô của chị P đi cầm cố cho anh Q lấy số tiền 4.000.000đ, sau đó C tiếp tục mượn thêm của anh Q 1.000.000đ nữa. Đến thời hạn trả xe, chị P nhiều lần gọi điện cho C nhưng C không trả xe mà còn nói dối chị P là đã đem xe đi cầm cố ở thành phố K và nói chị P mang tiền xuống để chuộc xe.

Do số tiền cầm cố xe của chị P cho anh Q không đủ để trả nợ trước đó nên sáng ngày 03/08/2017, C tiếp tục mượn xe mô tô BKS 82H1-1971 của chị Y L sinh năm 1978, trú tại: Làng K, thị trấn S, huyện S. Khi mượn xe của chị Y L, C nói dối chị Y L là mượn xe đi có việc và hẹn chiều cùng ngày sẽ trả nhưng thực chất là mang xe của chị L đi cầm cố cho chị Tạ Thị Thu Tr sinh năm 1990 trú tại: thôn 4, thị trấn S. Khi cầm xe, Ch nói dối với chị Tr là xe của của mình, làm chị Tr tin là thật nên đã đưa cho C số tiền 3.000.000đồng. Số tiền C cầm của chị Tr và anh Q, C dùng để trả nợ.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện S số: 21/KL-HĐĐG ngày 08/08/2017 kết luận xe mô tô biển kiểm soát 82M1- 023.61 có giá trị: 9.285.000đ và xe mô tô BKS 82H1-1971 có giá trị 9.850.000đ, tổng giá trị tài sản là: 19.135.000đ (*mười chín triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 25/KSĐT ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Hoàng Trần C về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội đối với bị cáo Hoàng Trần C, giữ nguyên cáo trạng số 25/KSĐT ngày 30/10/2017, truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo Hoàng Trần C mức án từ 8 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/08/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị P và chị Y L đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Đối với số tiền còn lại bị cáo phải trả cho vợ chồng chị Tr là 1.500.000 đồng và trả cho vợ chồng anh Q là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, vợ chồng anh Q cũng như chị Tr thỏa thuận tự giải quyết với nhau không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do vậy, không đề cập.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 110, 112, 113 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do cần một khoản tiền để trả nợ khi đến hạn nhưng không có khả năng trả nên ngày 02/08/2017, lợi dụng mối quan hệ quen biết chị Nguyễn Thị P từ trước, Hoàng Trần C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của chị Nguyễn Thị P để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Bằng hành vi gian dối của mình, Hoàng Trần C đã lừa đảo chiếm đoạt được chiếc xe mô tô BKS 82M1- 023.61 của chị P. Chiếc xe mô tô nói trên được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện S kết luận, có giá trị là 9.285.000(*Chín triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn*) đồng.

Tiếp đến ngày 03/8/2017, cũng hành vi tương tự như trên, Hoàng Trần C lừa đảo thêm chiếc xe mô tô BKS 82H1- 1971 của chị Y L để cầm cố cho chị Tạ Thị Thu Tr lấy tiền trả nợ. Chiếc xe mô tô nói trên được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện S kết luận, có giá trị là 9.850.000(*Chín triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Hoàng Trần C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự, như Cáo

trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Trong hai ngày liên tục, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp “*phạm tội nhiều lần*”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS mà bị cáo phải chịu khi xem xét áp dụng hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn tích cực tác động chị gái là Hoàng Thị B trả cho anh Nguyễn Văn Q được số tiền 3.000.000 đồng và chị Tạ Thị Thu Tr được số tiền 1.500.000 đồng, để khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra nên được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để áp dụng cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là thành viên trong gia đình chính sách.

Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên mà bị cáo được hưởng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Đối với hành vi cầm cố xe mô tô của anh Nguyễn Văn Q và chị Tạ Thị Thu Tr, chị Tr và anh Q hoàn toàn không biết rõ tài sản đó là do bị cáo C lừa đảo chiếm đoạt mà có nên CQCSĐT công an huyện Sa Thầy không có cơ sở để xử lý hành vi đó theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy là đúng quy định, nên không đề cập.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại là chị Nguyễn Thị P cũng như chị Y L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Việc chị Hoàng Thị B tự nguyện trả thay cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Võ Thị Mỹ Gi và trả cho vợ chồng anh Đỗ Văn Tr và chị Tạ Thị Thu Tr số tiền 1.500.000 đồng. Nay chị B không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đó. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Số tiền còn lại bị cáo phải trả cho vợ chồng anh Q là 2.000.000 đồng và trả cho vợ chồng chị Tr là 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng anh Q, chị Gi cũng như vợ chồng chị Tr, anh Tr thống nhất tự thỏa thuận với bị cáo, không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không đề cập.

[7] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an huyện S, tỉnh Kon Tum đã thu giữ 02 xe mô tô, một xe mô tô biển kiểm soát 82M1- 023.61, 01 giấy chứng nhận xe mô tô mang tên Nguyễn Thị P và xe mô tô

biên kiểm soát 82H1- 1971 của chị Y L. Hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã trả lại hai chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị P và chị Y L. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hoàng Trần C phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Trần C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Trần C 8(tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/08/2017.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Buộc bị cáo Hoàng Trần C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 231 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07- 12- 2017). Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quyền gửi đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Đỗ Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND; Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thiều Thị Dũng